

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 7 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn

2. Ông Nguyễn Quang Hợp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2021/TLST - HNGĐ, ngày 03/3/2021 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Giáp Văn T, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Tăng Thị Á, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Giáp Văn T trình bày: Tôi kết hôn với cô Tăng Thị Á năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương và đến năm 2003 chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cô Á về nhà tôi làm dâu, hai vợ chồng ở riêng trên đất của gia đình tôi. Cuộc sống vợ chồng vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cô Á đòi đi làm Công ty nhưng tôi không đồng ý, tôi có nói chuyện với bố mẹ đẻ cô Á thì bố mẹ đẻ cô Á nhất trí việc cô Á đi làm Công ty, do vậy tôi nhất trí để cô Á về nhà bố mẹ đẻ cô Á ở. Khi cô Á về sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ cô Á và đi làm tại Công ty cô Á không cho tôi và con xuống thăm, ít khi về nhà và không gửi tiền về cho gia đình để tôi nuôi con. Vợ chồng xa cách và sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và cô Á có 02 con chung:

1. Giáp Văn T, sinh ngày 01/3/2001

2. Giáp Anh T, sinh ngày 24/7/2009

Hiện nay cả hai con chung đang ở với tôi, cháu T đã trưởng thành tôi không ý kiến gì, tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi cháu T, do từ khi sống ly thân cháu T do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T hiện nay đang học Trường trung học cơ sở xã H, gần gia đình nhà tôi, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai tại Tòa án bị đơn chị Tăng Thị Á trình bày: Tôi kết hôn với anh T năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương và đến năm 2003 chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn tôi về nhà anh T làm dâu, hai vợ chồng ở riêng trên đất của gia đình nhà anh T. Cuộc sống vợ chồng vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi xin đi làm Công ty ở xa để có thu nhập cho gia đình nhưng anh T không đồng ý, sau đó tôi muốn về nhà nhưng anh T không cho tôi về, do vậy vợ chồng xảy ra cãi vã và sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Nay anh T làm đơn xin ly hôn xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn về đoàn tụ.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung:

1. Giáp Văn T, sinh ngày 01/3/2001

2. Giáp Anh T, sinh ngày 24/7/2009

Hiện nay cả hai con chung đang ở với anh T, cháu T đã trưởng thành tôi không ý kiến gì, còn cháu T tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn anh T giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của anh T (bản sao); 02 giấy khai sinh của con chung (bản sao). Chị Á không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết việc xin ly hôn, về con chung cháu T đã trưởng thành, còn về cháu Tuấn A có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh không đề nghị Tòa án xem xét, về tài sản anh không đề nghị Tòa án xem xét. Chị Tăng Thị Á vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, tại biên bản làm việc và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị thay đổi ý kiến, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, về con chung chị nhất trí đề nghị giao con chung cháu Giáp Văn T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147 và Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho anh Giáp Văn T được ly hôn chị Tăng Thị Á.

+ Về con chung: Cháu T đã trưởng thành, đề nghị giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

+ Về tài sản: Không xem xét.

+ Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các bên đương sự không thỏa thuận được nên vụ án xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chị Tăng Thị Á cư trú tại: xóm N, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa bị đơn chị Tăng Thị Á vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh Á là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Anh Giáp Văn T và chị Tăng Thị Á kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phía anh T cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng do chị Á đi làm Công ty nhưng anh không đồng ý, anh có nói chuyện với bố mẹ đẻ chị Á thì bố mẹ đẻ chị cũng nhất trí việc chị Á đi làm, do vậy anh nhất trí để chị Á về nhà bố mẹ đẻ chị Á ở. Khi chị Á về sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ và đi làm tại Công ty chị Á không cho anh và con xuống thăm, chị ít khi về nhà và không gửi tiền về cho gia đình. Vợ chồng xa cách và sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Phía chị Á cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do chị xin đi làm Công ty ở xa để có thu nhập đảm bảo kinh tế cho gia đình nhưng anh T không đồng ý, sau đó chị muốn về nhà nhưng anh T không cho chị về, do vậy vợ chồng xảy ra cãi vã và sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa chỉ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh T và chị Á đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ năm 2018 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của anh Tào là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của anh T, cho chị anh Giáp Văn T được ly hôn với chị Tăng Thị Á là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết anh T và chị Á cùng xác định vợ chồng có 02 con chung:

1. Giáp Văn T, sinh ngày 01/3/2001
2. Giáp Anh T, sinh ngày 24/7/2009

Quá trình giải quyết, anh T và chị Á cùng xác định hiện nay hai con chung đang ở với anh T, cháu T đã trưởng thành, còn đối với cháu T chị Ánh cùng thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa án xem xét, do hiện nay cháu T đang học Trường trung học cơ sở xã H gần gia đình nhà anh Tào, anh vẫn đưa đón và đóng góp các khoản phí cho cháu Tuấn.

Hội đồng xét xử xét anh T, chị Á thỏa thuận việc giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là sự tự nguyện, tại đơn đề nghị cháu Giáp Anh T có nguyện vọng xin được ở với anh T vì cháu cho rằng từ khi bố mẹ sống ly thân cháu vẫn ở với anh T, do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét đề nghị giao con chung cho anh Tào trực tiếp nuôi dưỡng và xét nguyện vọng của cháu T là phù hợp và có căn cứ nên cần chấp nhận đề nghị giao cháu Giáp Anh T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết anh T, chị Á không đề nghị Tòa án xem xét về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí LHST theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giáp Văn T, cho anh Tào được ly hôn chị Tăng Thị Á.

2. Về con chung: Giao con chung Giáp Anh T, sinh ngày 24/7/2009 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp anh T, chị Á có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

Về quyền thăm nom con chung: Chị Á có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí. Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013770 ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Á được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Thông báo cho UBND xã T;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÀO NGỌC HÀI